

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TH
TỈNH TH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 92 /2020/HSST

Ngày: 05/05/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Long
2. Ông Trần Trọng Tú

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ma Thị Hèn Nhung – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH, tỉnh TH tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Kim Oanh, chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 05 /5/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 63/2020/HSST ngày 24/02/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐXXST-HS ngày 03/03/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đỗ Quang T**, Ngày, tháng, năm sinh: 12/6/1983.

- Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không.

- Nơi ĐKKHKT: Tổ 3, phường Quang V, thành phố TH, tỉnh TH.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Số CMND/Thẻ CCCD/ Hộ chiếu: 090924057, Cấp ngày: 26/3/2016; Nơi cấp: CA tỉnh TH; Con ông: Đỗ Quang B, đã chết; Con bà: Mai Thị Ng, sinh năm 1961; Trú tại: Tổ 3, phường Quang Vinh, thành phố TH, tỉnh TH; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Có vợ: Nguyễn Thị D, sinh năm 1989; Có 01 con, sinh năm 2011.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: + Tại Quyết định số 0034763 ngày 19/10/2018 của Công an thành phố TH xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác”. Đã nộp phạt ngày 06/11/2018.

- Nhân thân: + Tại bản án số 278/2008/HSST ngày 30/12/2008 của Tòa án nhân dân thành phố TH xử phạt 06 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng về tội: “Đánh bạc”. Chấp hành xong bản án ngày 12/12/2012.

+ Tại bản án số 38/2015/HSPT ngày 30/3/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh TH xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội: “Đánh bạc”. Chấp hành xong bản án ngày 30/3/2016.

+ Tại Quyết định số 0010431 ngày 25/01/2016 của Công an thành phố TH xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác”. Đã nộp phạt ngày 30/6/2016.

+ Tại Quyết định số 0056837 ngày 15/8/2017 của Công an thành phố TH xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác”. Đã nộp phạt ngày 15/8/2017.

Hiện bị cáo đang tại ngoại tại nơi cư trú (Không bị tạm giữ tạm giam).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Đặng Thị B, sinh năm 1949 (Có mặt)

Cư trú: Tổ 23(nay thuộc tổ 12), P. Quang T, TP. TH, tỉnh TH

2. Mai Anh H, sinh năm 1997(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cư trú: Xóm Bầu, xã Huống Thượng, TP TH, tỉnh TH

3. Đàm Thị Mỹ Dn, sinh năm 1996(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cư trú: Thôn Nà Lặng, xã Cư Lễ, Hện Na Rì, tỉnh Bắc Cạn

4. Nguyễn Duy K, sinh năm 1982(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cư trú: Tổ 03, phường Gia Sàng, TP TH, tỉnh TH

5. Triệu Ngọc Tr, sinh năm 1991(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cư trú: Xóm Văn Hữu, xã Hóa Thượng, Hện Đồng Hỷ, tỉnh TH

6. Đặng Văn P, sinh năm 1976(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cư trú: Xóm T Đình, xã Bàn Đát, Hện Phú Bình, tỉnh TH

7. Đoàn Kim L, sinh năm 1952(Có mặt)

Cư trú: Tổ 31(nay thuộc tổ 15), P. Hoàng Văn Thu, TP TH, tỉnh TH

8. Nguyễn Thị X, sinh năm 1961(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cư trú Xóm Đông, phường Đồng Bầm, TP TH, tỉnh TH.

9. Hoàng Văn D, sinh năm 1993(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cư trú: Thôn Hợp Thành, xã Lam Sơn, Hện Na Rì, tỉnh Bắc Cạn

*** Người làm chứng:**

1. Nguyễn Đức L, sinh năm 1986(Vắng mặt)

Cư trú: Xóm Tân Thành 2, P. Đồng Bầm, TP TH, tỉnh TH

2. Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Cư trú: Phường Đồng Ngàn, Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ ngày 04/01/2019, tổ công tác của Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh TH tiến hành kiểm tra cơ sở kinh doanh Hoàng T - cho thuê ô tô - xe máy - tư vấn đáo hạn ngân hàng, địa chỉ tại số nhà 3A, đường Minh Cầu, thuộc tổ 2, phường Phan Đình Phùng, thành phố TH, tỉnh TH do Đỗ Quang T làm chủ. Quá trình kiểm tra thu giữ được nhiều tài liệu liên quan đến việc cho vay lãi. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản và thu giữ vật chứng theo quy định.

Tại Cơ quan điều tra, Đỗ Quang T khai nhận như sau: Cơ sở kinh doanh Hoàng T - cho thuê ô tô - xe máy - tư vấn đáo hạn ngân hàng do T làm chủ hoạt động kinh doanh từ năm 2017 đến nay, được phòng Tài chính – Kế hoạch Ủy ban nhân dân TP TH cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 17A80013352, đăng ký cấp lại lần 1 ngày 6/9/2016 với ngành, nghề kinh doanh là: mua bán, cho thuê, trao đổi ô tô, xe máy, điện thoại, laptop. Tuy nhiên, quá trình kinh doanh, T đã tự ý chèn hình thức sang cho vay lãi. T thuê hai nhân viên làm tại cửa hàng là Nguyễn Đức Lâm, sinh năm: 1986, trú tại: Tân Thành 2, phường Đồng Bầm, thành phố TH và Nguyễn Mạnh Hải, sinh năm: 1980, trú tại: phường Đồng Ngàn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh cùng giúp việc cho T. Việc cho vay lãi được thực hiện dưới 02 hình thức: vay có thể chấp giấy tờ và “bóc bát họ” (vay họ).

- Đối với hình thức vay có thể chấp giấy tờ: T cho vay với lãi suất từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày đến 8.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, một số Tr hợp người quen biết thì T không lấy lãi hoặc lấy lãi từ 1.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày đến dưới 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày.

- Đối với hình thức vay họ (bốc bát họ): bên vay và bên cho vay quy ước 01 “Bát họ” tương đương 10.000.000 đồng, lãi suất vay 01 “Bát họ” là 2.000.000 đồng, thời gian vay 40 ngày hoặc 50 ngày. Với hình thức này, người vay mỗi ngày phải trả tiền gốc cho Đỗ Quang T là 200.000 đồng /01 bát hoặc 250.000 đồng/ 01 bát.

Về thủ tục và hồ sơ khi vay tiền, Đỗ Quang T yêu cầu người vay tiền tự viết giấy vay tiền hoặc điền vào giấy vay tiền theo mẫu có sẵn. Đa số khách hàng sẽ phải để lại giấy tờ tùy thân là chứng minh thư nhân dân hoặc sổ hộ khẩu. Trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, Đỗ Quang T sử dụng phần mềm Mecash trên máy vi tính để quản lý số tiền cho vay và tiền lãi.

Căn cứ tài liệu thu thập được trong phần mềm quản lý Mecash của Đỗ Quang T xác định từ đầu năm 2017 đến ngày 04/01/2019, Đỗ Quang T đã cho vay 83 mã vay tương ứng 58 người vay với tổng số tiền là 1.171.000.000 đồng, trong đó có 09 mã vay của 07 người vay với lãi suất theo quy định của pháp luật hoặc không tính lãi. Đối với 74 mã vay tương ứng với 51 người vay còn lại, Cơ quan điều tra tiến hành triệu tập, ghi lời khai và xác định được T đã cho 09 người vay tương ứng 15 mã vay với tổng số tiền cho vay là 150.000.000 đồng tương ứng mức lãi suất từ 3000 đồng/1 triệu/1 ngày đến 8000 đồng/1 triệu/1 ngày tương ứng mức lãi suất từ 109,5% đến 292%/ năm, cao gấp 5,5 lần đến 14,6 lần so với mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định là 20%/năm. Trong số 09 người vay tiền với mức lãi suất như nêu trên, đến nay T đã thu về số tiền nợ gốc là 109.000.000 đồng, còn lại 04 Tr hợp chưa trả nợ gốc cho T với tổng số tiền là 41.000.000 đồng.

Tổng số tiền thu lợi mà cơ sở kinh doanh Hoàng T - cho thuê ô tô - xe máy - tư vấn đáo hạn ngân hàng do Đỗ Quang T làm chủ đã thu là: 97.650.000 đồng, trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định là 10.440.548 đồng, số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất từ trên 20%/năm trở lên là: 87.209.452 đồng. Cụ thể như sau:

1. Đặng Thị B, sinh năm 1949, trú tại tổ 23, phường Quang T, thành phố TH, tỉnh TH:

- Ngày 12/7/2018, Bvay 10.000.000^d với thời hạn vay 170 ngày với mức lãi là 5.000^d/1 triệu/1 ngày, tương ứng mức lãi suất bằng 182,5%/ năm, gấp 9,13 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Số tiền lãi T đã thu là 8.500.000 đồng (trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 931.507 đồng, số tiền lãi trên 20%/năm là 7.568.493 đồng). Đến nay, B đã trả hết nợ gốc cho T.

- Ngày 24/8/2018, Bvay 10.000.000^d thời hạn vay là 130 ngày với mức lãi là 5.000^d/triệu/ngày, tương ứng mức lãi suất bằng 182,5%/ năm, gấp 9,13 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Số tiền lãi T đã thu là 6.500.000

đồng (trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 712.329 đồng, số tiền lãi trên 20%/năm là 5.787.671 đồng). Đến nay, Bđã trả hết nợ gốc cho T.

- Ngày 21/10/2018, Bvay 15.000.000^d thời hạn vay là 70 ngày với mức lãi là 5.000^d/triệu/ngày, tương ứng mức lãi suất bằng 182,5%/ năm, gấp 9,13 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Số tiền lãi T đã thu là 5.250.000 đồng (trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 575.342 đồng, số tiền lãi trên 20%/năm là 4.674.658 đồng). Đến nay, Bchưa trả nợ gốc cho T.

2. Mai Anh H, sinh năm 1997, trú tại xóm Bàu, xã Huống Thượng, thành phố TH, tỉnh TH vay 10.000.000^d vào ngày 24/11/2018 với thời hạn vay 30 ngày với mức lãi là 3.000^d/1 triệu/1 ngày, tương ứng mức lãi suất bằng 109,5%/ năm, gấp 5,5 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Số tiền lãi T đã thu là 900.000 đồng (trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 164.384 đồng, số tiền lãi trên 20%/năm là 735.616 đồng). Đến nay, H đã trả hết nợ gốc cho T.

3. Đàm Thị Mỹ U, sinh năm 1996, trú tại thôn Nà Lặng, xã Cư Lễ, Hện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn vay 5.000.000^d vào ngày 13/9/2018 với thời hạn vay 99 ngày với mức lãi là 5.000^d/1 triệu/1 ngày, tương ứng mức lãi suất bằng 182,5%/ năm, gấp 9,13 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Số tiền lãi T đã thu là 2.475.000 đồng (trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 271.233 đồng, số tiền lãi trên 20%/năm là 2.203.767 đồng). Đến nay, Uyên đã trả hết nợ gốc cho T.

4. Nguyễn Duy K, sinh năm 1982, trú tại tổ 3, phường Gia Sàng, thành phố TH, tỉnh TH vay 20.000.000^d vào ngày 22/9/2018 với thời hạn vay 90 ngày với mức lãi là 4.722^d/1 triệu/1 ngày, tương ứng mức lãi suất bằng 172,36%/ năm, gấp 8,62 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Số tiền lãi T đã thu là 8.500.000 đồng (trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 986.301 đồng, số tiền lãi trên 20% /năm là 7.513.699 đồng). Đến nay, K đã trả hết nợ gốc cho T.

5. Triệu Ngọc Tr, sinh năm 1991, trú tại xóm Văn Hữu, xã Hóa Thượng, Hện Đồng Hỷ, tỉnh TH vay 10.000.000^d vào ngày 08/8/2018 với thời hạn vay 140 ngày với mức lãi là 5.000^d/1 triệu/1 ngày, tương ứng mức lãi suất bằng 182,5%/ năm, gấp 9,13 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Số tiền lãi T đã thu là 7.000.000 đồng (trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 767.123 đồng, số tiền lãi trên 20%/năm là 6.232.877 đồng). Đến nay, Tr đã trả hết nợ gốc cho T.

6. Đặng Văn P, sinh năm 1976, trú tại xóm T Đình, xã Bàn Đạt, Hện Phú Bình, tỉnh TH:

- Ngày 05/9/2018, P vay 10.000.000^d với thời hạn vay 70 ngày với mức lãi là 5.000^d/1 triệu/1 ngày, tương ứng mức lãi suất bằng 182,5%/ năm, gấp 9,13 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Số tiền lãi T đã thu là 3.500.000 đồng (trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 383.562 đồng, số tiền lãi trên 20%/năm là 3.116.438 đồng). Đến nay, P đã trả hết nợ gốc cho T.

- Ngày 22/7/2018, P vay 30.000.000^d với thời hạn vay 135 ngày với mức lãi là 5.247^d/1 triệu/1 ngày, tương ứng mức lãi suất bằng 191,51%/ năm, gấp 9,58 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Số tiền lãi T đã thu là 21.250.000 đồng (trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 2.219.178 đồng, số tiền lãi trên 20%/năm là 19.030.822 đồng). Đến nay, P đã trả hết nợ gốc cho T.

7. Đoàn Kim L, sinh năm 1952, trú tại tổ 31, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố TH, tỉnh TH:

- Ngày 10/8/2018, L vay 5.000.000^d với thời hạn vay 114 ngày với mức lãi là 5.000^d/1 triệu/1 ngày, tương ứng mức lãi suất bằng 182,5%/ năm, gấp 9,13 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Số tiền lãi T đã thu là 2.850.000 đồng (trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 312.329 đồng, số tiền lãi trên 20%/năm là 2.537.671 đồng). Đến nay, L chưa trả nợ gốc cho T.

- Ngày 12/8/2018, L vay 3.000.000^d với thời hạn vay 123 ngày với mức lãi là 5.271^d/1 triệu/1 ngày, tương ứng mức lãi suất bằng 192,39%/ năm, gấp 9,62 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Số tiền lãi T đã thu là 1.945.000 đồng (trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 202.192 đồng, số tiền lãi trên 20%/năm là 1.742.808 đồng). Đến nay, L chưa trả nợ gốc cho T.

- Ngày 20/8/2018, L vay 4.000.000^d với thời hạn vay 100 ngày với mức lãi là 8.000^d/1 triệu/1 ngày, tương ứng mức lãi suất bằng 292%/ năm, gấp 14,6 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Số tiền lãi T đã thu là 3.200.000 đồng (trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 219.178 đồng, số tiền lãi trên 20%/năm là 2.980.822 đồng). Đến nay, L đã trả hết nợ gốc cho T.

8. Nguyễn Thị X, sinh năm 1961, trú tại xóm Đông, phường Đồng Bầm, thành phố TH, tỉnh TH:

- Ngày 06/01/2018, X vay 10.000.000^d với thời hạn vay 337 ngày với mức lãi là 5.000^d/1 triệu/1 ngày, tương ứng mức lãi suất bằng 182,5%/ năm, gấp 9,13 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Số tiền lãi T đã thu là 16.850.000 đồng (trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 1.846.575 đồng, số tiền lãi trên 20%/năm là 15.003.425 đồng). Đến nay, X chưa trả nợ gốc cho T.

- Ngày 10/02/2018, X vay 3.000.000^d với thời hạn vay 337 ngày với mức lãi là 5.000đ/1 triệu/1 ngày, tương ứng mức lãi suất bằng 182,5%/ năm, gấp 9,13 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Số tiền lãi T đã thu là 4.800.000 đồng (trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 526.027 đồng, số tiền lãi trên 20%/năm là 4.273.973 đồng). Đến nay, X chưa trả nợ gốc cho T.

9. Hoàng Văn D, sinh năm 1993, trú tại thôn Hợp Thành, xã Lam Sơn, Huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn vay 5.000.000đ vào ngày 30/8/2018 thời hạn vay 118 ngày với mức lãi là 7.000đ/1 triệu/1 ngày, tương ứng mức lãi suất bằng 255,5%/ năm, gấp 12,78 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Số tiền lãi T đã thu là 4.130.000 đồng (trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 323.288 đồng, số tiền lãi trên 20%/năm là 3.806.712 đồng). Đến nay, D chưa trả nợ gốc cho T.

Đối với Nguyễn Đức Lâm làm việc tại Cơ sở kinh doanh Hoàng T từ đầu năm 2017 đến tháng 9/2018 và Nguyễn Mạnh Hải làm việc thay Lâm từ tháng 9/2018 đến 04/01/2019 có nhiệm vụ quản lý sổ sách, theo dõi nhắc nợ trên phần mềm và thu lãi của người vay hàng ngày. Do lượng khách nhiều và khách đến gặp ai ở quầy thì nộp lãi nên Lâm và Hải đều không nhớ cụ thể số tiền thu lãi của các khách.

Lời khai nhận tội của Đỗ Quang T phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án như: lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ (**BL: 45 – 48; 94- 97; 121 – 122;**).

- Về dân sự: Những người vay tiền không có yêu cầu đề nghị gì.

*** Vật chứng của vụ án gồm:** 01 cây máy tính màu đen, đã qua sử dụng và 01 màn hình máy tính nhãn hiệu SAMSUNG có số seri CL22HYTZ800848M, đã dán niêm P; 01 bì niêm P ký hiệu D1, bên trong có chứa 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh loại 105, đã dán niêm P. Hiện số vật chứng trên đang được bảo quản, lưu giữ tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TH chờ xử lý.

- 02 quyển sổ nhãn hiệu K.LONG và 01 quyển sổ nhãn hiệu Hải Tiến, bên ngoài ghi chữ “Sổ kế toán” bên trong có ghi chữ, đã đánh số thứ tự. Hiện chèn theo hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 72/CT-VKSTPTN ngày 208/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH đã truy tố Đỗ Quang T về tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” , theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đỗ Quang T nhận tội như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH trình bày lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tóm tắt nội dung vụ án, phân tích các căn cứ truy tố bị cáo Đỗ Quang T về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS; đánh giá nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Quang T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 điều 201 Bộ luật hình sự; Áp dụng: điểm s khoản 1, Điều 51; điểm a, khoản 1 Điều 35 BLHS: Phạt tiền Đỗ Quang T từ 150 triệu đồng đến 170 triệu đồng.

Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo đảm nhiệm công việc có liên quan đến hoạt động cho vay tín dụng trong thời hạn 03 năm.

Về dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đoàn Kim L, bà L đã trả cho bị cáo T số tiền gốc 2000.000đồng. Bà L còn nợ bị cáo T 6.000.000 đồng.

Áp dụng: Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS; Điều 357 BLDS.

- Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền gốc 150.000.000 đồng mà T sử dụng làm phương tiện phạm tội. Trong đó T đã thu được về nợ gốc là: 111.000.000 đồng,

Còn 04 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả nợ gốc cho T là: Đặng Thị Bột: 15.000.000đ; Đoàn Kim L: 6.000.000đ; Nguyễn Thị X: 13.000.000đ; Hoàng Văn D: 5.000.000đ. Tổng số tiền là 39.000.000 đồng. Cần truy thu sung quỹ nhà nước số tiền trên.

- Số tiền lãi 87.209.452đồng bị cáo thu lời bất chính lẽ ra trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên quá trình điều tra họ đều không có yêu cầu gì nên truy thu để sung quỹ nhà nước.

- Số tiền lãi theo quy định của pháp luật là: 10.440.548 đồng bị cáo có được do phạm tội mà có nên thu để sung quỹ nhà nước.

* Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 cây máy tính màu đen, đã qua sử dụng và 01 màn hình máy tính nhãn hiệu SAMSUNG có số seri CL22HYTZ800848M, đã dán niêm P; 01 bì niêm P ký hiệu D1, bên trong có chứa 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh loại 105, đã dán niêm P.

- 02 quyển sổ nhãn hiệu K.LONG và 01 quyển sổ nhãn hiệu Hải Tiến, bên ngoài ghi chữ “Sổ kế toán” bên trong có ghi chữ, đã đánh số thứ tự. Lưu theo hồ sơ vụ án.

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ –UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nhà nước.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận gì với quan điểm của Viện Kiểm sát, thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, đối với bị cáo là đúng người, đúng tội.

Phần lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố TH, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH, tỉnh TH, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, tuy nhiên đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, những người này đã được triệu tập hợp lệ, bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vì trước đó họ đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

[2]. Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, bị cáo xác định cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Lời khai của

người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản sự việc, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định:

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 04/01/2019, Đỗ Quang T là chủ Cơ sở kinh doanh Hoàng T - cho thuê ô tô - xe máy - tư vấn đảo hạn ngân hàng, địa chỉ tại số nhà 3A, đường Minh Cầu, thuộc tổ 2, phường Phan Đình Phùng, thành phố TH, tỉnh TH đã có hành vi cho 09 Tr hợp vay tiền với mức lãi suất từ 3000 đồng/1 triệu/1 ngày đến 8000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương ứng mức lãi suất từ 109,5% đến 292%/ năm, gấp 5,5 lần đến 14,6 lần so với mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định. Tổng số tiền gốc cho vay là 150.000.000 đồng, tiền lãi thu T được là 97.650.090 đồng (trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 10.440.548 đồng, số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất từ trên 20%/năm trở lên là: 87.209.452 đồng). Đây được xác định là số tiền thu lợi bất chính để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[3]. Đánh giá của Hội đồng xét xử: Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi của Đỗ Quang T đã đủ yếu tố cấu thành tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” với tổng số tiền thu lời bất chính là **97.650.000 đồng**, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Bản cáo trạng số 72/CT-VKSTPTN ngày 20/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH truy tố Đỗ Quang T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định pháp luật

Nội dung điều luật như sau:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm”

[3]. Đánh giá của Hội đồng xét xử: Xét tính chất, mức độ của vụ án thuộc Tr hợp ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà hành vi phạm tội của bị cáo còn làm cho người vay lâm vào hoàn cảnh khó khăn do phải trả lãi quá cao, làm ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội. Do đó, phải xem xét, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

5.1. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền sự về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe của người khác”. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

5.2. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6]. Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo gây ra, sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo trong một khoảng thời gian dài cho nhiều người vay tiền với mức lãi suất cao để thu lời bất chính. Tuy nhiên việc cho vay giữa bị cáo và những người vay là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, bản thân bị cáo không biết việc cho vay với lãi suất từ 3.000đồng đến 8.000 đồng/ 01 triệu/01 ngày là vi phạm pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái với quy định pháp luật, có thái độ khai báo thành khẩn, nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

Do bị cáo hiện tại có công việc không ổn định, không có thu nhập ổn định, nên miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo

[7]. Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và cấm bị cáo làm các công việc liên quan đến hoạt động tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 201 BLHS.

Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

[8]. Đối với khoản tiền lãi 20% bị cáo nhận từ những người vay tương ứng với số tiền 10.440.548đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự, khoản tiền này không tính lãi vào số lượng tiền buộc tội bị cáo. Tuy nhiên, đây là số tiền lãi phát sinh từ hành vi phạm tội nên truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

[9]. Đối với số tiền gốc 150.000.000 đồng T cho vay, quá trình điều tra xác định được số tiền gốc 109.000.000 đồng những người vay đã trả cho bị cáo. Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Kim L xuất trình giấy tờ có liên quan đến việc đã trả thêm cho bị cáo khoản tiền gốc 2.000.000 đồng, hiện tại bà còn chỉ nợ số tiền gốc của bị cáo là 6.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo cũng thừa nhận có việc bà L đã trả thêm cho bị cáo số tiền 2.000.000 đồng, bà L còn nợ bị cáo tiền gốc 6.000.000 đồng. Xét sự thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện cần được chấp nhận. Tuy nhiên đối với toàn bộ khoản tiền gốc trên bị cáo sử dụng để thực hiện phạm tội, nên cần truy thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền gốc 39.000.000 đồng của những người vay chưa trả cụ thể: Đặng Thị Bột: 15.000.000 đồng; Đoàn Kim L: 6.000.000 đồng; Nguyễn Thị X: 13.000.000đồng; Hoàng Văn D: 5.000.000 đồng , về nguyên tắc họ phải trả cho bị cáo theo giao dịch dân sự. Tuy nhiên, xác định đây là tiền bị cáo sử dụng thực hiện phạm tội. Vì vậy, buộc những người vay chưa trả số tiền gốc cho bị cáo phải nộp lại khoản tiền trên vào ngân sách nhà nước.

[10]. Về tiền thu lợi bất chính: Số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 87.209.542 đồng từ việc phạm tội mà có. Kết quả điều tra xác định những người vay tiền của bị cáo đều có mục đích phục vụ sinh hoạt, phục vụ cuộc sống hàng ngày, về nguyên tắc cần buộc T phải trả lại cho người vay số tiền lãi thu được từ mức lãi suất trên 21% trở lên. Tuy nhiên những người vay không yêu cầu bị cáo phải trả khoản tiền này nên cần buộc bị cáo T nộp vào ngân sách nhà nước.

[11]. Về vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ 01 cây máy tính màu đen, đã qua sử dụng và 01 màn hình máy tính nhãn hiệu SAMSUNG có số seri CL22HYTZ800848M; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh loại 105. Xác định đây là các vật chứng thu được tại cửa hàng của T cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với các vật chứng gồm: 02 quyển sổ nhãn hiệu K.LONG và 01 quyển sổ nhãn hiệu Hải Tiến, bên ngoài ghi chữ “Sổ kế toán” bên trong có ghi chữ, đã đánh số thứ tự được lưu theo hồ sơ vụ án, là tài liệu, chứng cứ có ý nghĩa chứng minh tội phạm nên cần được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[12]. Về các vấn đề khác:

Ngoài việc xác định được 09 người vay tương ứng 15 mã vay với tổng số tiền vay là 150.000.000 đồng như nêu trên, Đỗ Quang T đã cho 07 Tr hợp khác vay tương ứng 09 mã vay với tổng số tiền là 205.000.000 đồng, mức lãi suất từ 1000 đồng đến 2000 đồng/1 triệu/1 ngày hoặc chưa thu được tiền lãi nên không đủ yếu tố để truy cứu trách nhiệm hình sự. Đối với 59 mã vay còn lại trên phần mềm tương ứng với 42 khách hàng. Hiện có người vắng mặt tại địa phương, có người không xác định được lai lịch, có người khai không quen biết và không vay tiền của T nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xem xét xử lý.

Ngoài ra, Đỗ Quang T còn sử dụng sổ sách để nhắc khách trả nợ, đóng lãi, quản lý số tiền thu, chi trong ngày tại cơ sở kinh doanh. Trong sổ có lưu nhiều số thuê bao liên quan đến việc cho vay. Tuy nhiên, chỉ triệu tập lấy lời khai chủ sở hữu của 06 số thuê bao, nhưng những người vay này đều không nhớ chính xác số tiền gốc vay hoặc số tiền lãi đã đóng hoặc có người khai không có quan hệ vay mượn gì với Đỗ Quang T và cơ sở kinh doanh Hoàng T. Đến nay, T cũng không nhớ các mã vay và lai lịch của những khách vay ghi trong sổ. Những Tr hợp còn lại đều vắng mặt tại địa phương hoặc không xác định được lai lịch cũng

như không liên quan đến việc vay tiền với T nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xử lý.

Đối với Nguyễn Đức Lâm và Nguyễn Mạnh Hải là người được T thuê làm việc tại cơ sở kinh doanh Hoàng T. Quá trình điều tra xác định toàn bộ việc cho vay tiền, hình thức cho vay tiền và tính lãi suất, cách thức nộp tiền lãi do Đỗ Quang T quyết định, Lâm và Hải không được quyết định việc cho vay và cũng không được hưởng lợi từ việc cho vay lãi của Đỗ Quang T. Những khách đến vay và trả lãi cũng không xác định rõ đã làm việc với ai nên chưa đủ căn cứ để xử lý. Ngày 03/01/2020, Cơ quan điều tra đã lập biên bản giáo dục nhắc nhở đối với Lâm. Đối với Hải, hiện vắng mặt tại địa phương.

[9]. Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Đỗ Quang T 36(Ba mươi sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Quang Vinh, thành phố TH nhận bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Quang Vinh thành phố TH giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo do bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định.

2. Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 50.000.000 đồng; Cấm bị cáo Đỗ Quang T làm công việc liên quan đến hoạt động cho vay tín dụng là 03 năm kể từ ngày chấp hành xong bản án chính .

3. Về vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01(một) cây máy tính màu đen, đã qua sử dụng, được dán niêm P có chữ ký và dấu đỏ của phòng Cảnh sát hình sự; 01(một) màn hình máy tính nhãn hiệu SAMSUNG có số seri CL22HYTZ800848M đã được dán niêm P có chữ ký và dấu đỏ của phòng Cảnh sát hình sự; 01(một) bì niêm P ký hiệu D1, bên trong có chứa 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh loại 105, bên ngoài có chữ ký dán niêm P có chữ ký giáp lai và dấu đỏ của phòng Cảnh sát hình sự.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ bảo quản tại kho vật chứng và tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TH, biên bản giao nhận vật chứng số 158 ngày 20/02/2020)

4. Về biện pháp tư pháp:

4.1. Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo Đỗ Quang T và bà Đoàn Kim L về khoản tiền nợ gốc 2.000.000 đồng, bà L đã trả cho bị cáo T. Bà L còn nợ lại khoản tiền gốc 6.000.000 đồng

Buộc Đỗ Quang T phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền gốc những người đã vay trả cho bị cáo là: 111.000.000 đồng; Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 10.440.548 đồng.

4.2. Buộc Đỗ Quang T phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất từ 20%/năm trở lên bị cáo đã nhận là: 87.209.542 đồng.

4.3. Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền gốc đã vay của Đỗ Quang T nhưng chưa trả cho T là: 39.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Đặng Thị Bột: 15.000.000 đồng; Đoàn Kim L: 6.000.000 đồng; Nguyễn Thị X: 13.000.000 đồng; Hoàng Văn D: 5.000.000 đồng.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/NQ –UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

Tr hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- Công an thành phố TN;
- Chi cục THADSTPTN;
- Sở tư pháp tỉnh TH.
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu HS; Lưu BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Thư

